TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 5 - VĨNH LONG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 154/2026/DS – ST
Ngày: 16/6/2026
Về việc "*Tranh chấp hợp đồng góp hụi*"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 5 - VĨNH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Ngọc Đạt.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Thanh Tùng.

2. Ông Võ Quốc Việt.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Minh Phương – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 5 - Vĩnh Long.

Trong ngày 16 tháng 6 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 5 - Vĩnh Long xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 55/2026/TLST- DS ngày 12 tháng 01 năm 2026 về việc "Tranh chấp hợp đồng góp hụi", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 178/2026/QĐXXST – DS, ngày 12/5/2026 và Quyết định hoãn phiên tòa số 260/2026/QĐST-DS ngày 28/5/2026, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Dương Thị N, sinh năm 1961, CCCD số 083161011450 (có mặt).

Địa chỉ: khu phố T, phường B, tỉnh Vĩnh Long.

2. *Bị đơn*: Bà Lâm Kim L, sinh năm 1983, CCCD số 083183013597 (vắng mặt).

Địa chỉ: khu phố T, phường B, tỉnh Vĩnh Long.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa nguyên đơn bà Dương Thị N trình bày:

Đầu năm 2024, bà N có quen biết với bà Lâm Kim L do ở cùng địa phương. Bà N là chủ hụi, bà N có cho bà L tham gia chơi hụi. Ngày 09/6/2024 (âl) bà L tham gia 02 (hai) dây hụi của bà N gồm:

Dây hụi 1: Hụi 3.000.000 đồng, gồm có 18 phần, hụi khui mỗi tháng 01 lần, bà L tham gia 02 phần. Bà L góp hụi từ tháng 7/2024 đến 02/2025 là 8 tháng mỗi tháng đóng 6.000.000 đồng là 48.000.000 đồng. Từ tháng 3/2025 đến mãn hụi còn 8 lần là

48.000.000 đồng bà L không đóng nữa. Như vậy, bà L còn nợ bà N trong dây hụi này là 48.000.000 đồng.

Dây hụi 2: Hụi 3.000.000 đồng, khui ngày 25/12/2024, 01 tháng khui 01 lần, có 17 phần, mãn hụi ngày 25/4/2025, bà L tham gia 01 phần. Bà L đóng từ tháng 01/2025 đến 3/2025, từ tháng 4/2024 đến mãn hụi là 13 lần là 39.000.000 đồng bà L không đóng nữa. Như vậy, bà L còn nợ bà N trong dây hụi này là 39.000.000 đồng.

Tổng cộng 02 dây hụi bà L còn nợ bà N là 87.000.000 đồng (Tám mươi bảy triệu đồng). Trong đó, bà L đã trả cho bà N được 1.000.000 đồng còn lại số tiền bà L nợ bà N là 86.000.000 đồng. Đến ngày 27/9/2025 sau khi bỏ trốn, bà L trở về và viết giấy xác nhận số tiền hụi còn nợ bà N là 86.000.000 đồng (tám mươi sáu triệu đồng), không yêu cầu tính lãi.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã nhiều lần triệu tập hợp lệ bị đơn là bà Lâm Kim L nhưng bị đơn vắng mặt và không có trình bày ý kiến gì đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Bị đơn bà Lâm Kim L vắng mặt tại phiên tòa không có lý do dù đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nên Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt bà L là phù hợp.

[2] Về số tiền nợ gốc: Nguyên đơn bà Dương Thị N yêu cầu bị đơn bà Lâm Kim L trả lại số tiền hụi còn nợ. Theo trình bày của nguyên đơn, tổng số tiền hụi mà bà L chưa góp cho bà N là 87.000.000 đồng. Trong đó, bà L đã trả cho bà N được 1.000.000 đồng còn lại số tiền bà L nợ bà N là 86.000.000 đồng. Đến ngày 27/9/2025 sau khi bỏ trốn, bà L trở về và viết giấy xác nhận số tiền hụi còn nợ bà N là 86.000.000 đồng. Xét thấy, căn cứ vào giấy viết tay không tiêu đề đề ngày 27/9/2025 có nội dung thể hiện: "Tôi tên Lâm Kim L nợ dì 8 Dương Thị N số tiền là 86.000.000 đ, tám mươi sáu triệu đồng", giấy viết tay có chữ ký và chữ viết ghi Lâm Kim L. Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tống đạt hợp lệ: thông báo về việc thụ lý vụ án; thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải cho phía bị đơn là bà L, tuy nhiên bà L vẫn vắng mặt không lý do trong suốt quá trình giải quyết vụ án, đồng thời không có giao nộp cho Toà án văn bản ghi ý kiến của bà đối với yêu cầu của nguyên đơn bà N, cũng như không có giao nộp bất cứ tài liệu, chứng cứ nào để phản đối yêu cầu của nguyên đơn bà N đưa ra. Vì vậy, căn cứ vào Điều 91 và 92 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp, Hội đồng xét xử xét thấy: bản thân bà L là hụi viên đã tham gia giao dịch về góp hụi với bà N là chủ hụi nhưng không thực hiện đúng nghĩa vụ góp tiền hụi cho chủ hụi là vi phạm hợp đồng, làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của bà N, do đó cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà N, buộc bà L phải hoàn trả cho bà N số tiền hụi là 86.000.000 đồng vốn gốc là phù hợp với quy định tại Điều 471 Bộ luật Dân sự năm 2015.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận toàn bộ nên buộc bị đơn là bà Lâm Kim L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch theo quy định của pháp luật. Bà L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 86.000.000 đồng x 5% = 4.300.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 471 Bộ luật Dân sự năm 2015; Nghị định số 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính phủ về họ, hụi, biêu, phường; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Dương Thị N.

Buộc bà Lâm Kim L phải trả cho bà Dương Thị N số tiền hụi là 86.000.000 đồng (Bằng chữ: Tám mươi sáu triệu đồng), ghi nhận bà Dương Thị N không yêu cầu tính lãi.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Về án phí dân sự sơ thẩm: bà Lâm Kim L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 4.300.000 đồng (Bằng chữ: Bốn triệu, ba trăm nghìn đồng).

Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long xét xử phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

***Nơi nhận**:*
- Phòng GĐ, KT, TT và THA TAND tỉnh Vĩnh Long;
- VKSND khu vực 5 – Vĩnh Long;
- Phòng THADS khu vực 5 – Vĩnh Long;
- Các đương sự;
- Lưu (HS, VP).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Nguyễn Ngọc Đạt